

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 28/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Thanh Hương; Bà Nguyễn Thị Thịnh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/HS-ST, ngày 28/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 tại B; Nơi ĐKKHKT: thôn Vĩnh T, xã N, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy T và con bà: Vũ Thị K; Vợ: Bùi Thị H, con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm: 2018; Tiền án, Tiền sự: chưa có. Nhân thân: Ngày 28/12/2016 Công an phường, thành phố B ra Quyết định số 07 xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000đ về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 17/02/2017 Công an phường P, thành phố B ra Quyết định số 32 xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000đ về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 21/12/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Nguyễn Duy T1 sinh năm: 1960, trú tại: thôn Vĩnh T, xã N, thành phố B, tỉnh B, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Phố Phúc T, phường P, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

- Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: số nhà 48, đường N, phố Phúc T, phường T, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 10 giờ ngày 18/12/2018, T điều khiển xe mô tô hiệu HONDA WAVE màu đen bạc biển kiểm soát 35H9 - 2419 đi từ nhà ở thôn V, xã N, thành phố B sang thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N để mua ma túy về sử dụng. Khi đi qua cầu S thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh N khoảng 50 mét, T dừng xe đi vào một ngôi nhà cấp 4, do T biết trong nhà có người bán ma túy nên T lấy 300.000 đồng đưa qua ô nhỏ của cửa sổ và nói “*Bán cho em 300.000 đồng ma túy đá*”, trong nhà có người nhận tiền rồi đưa cho T 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng túi nilon màu trắng kích thước (2x2) cm bên trong là chất dạng tinh thể màu trắng. Xác định là ma túy, T cầm bỏ trong túi áo khoác ngoài bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà để sử dụng. Khi T về đến khu vực ngã tư Cầu Lim thuộc đường Lê Đại H, phố S, phường B, thành phố B, bị Tổ công tác Công an phường P, thành phố B phối hợp với Công an phường B, thành phố B phát hiện bắt quả tang. Khi bị bắt giữ, biết không thể che giấu được hành vi của mình, T đã lấy từ trong túi áo khoác ngoài bên trái 01 gói ma túy vừa mua ra giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận gói nhỏ ma túy đó là của T mua về để sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 xe mô tô hiệu HONDA WAVE màu đen bạc biển kiểm soát 35H9 - 2419 và 01 điện thoại hiệu SAMSUNG J3 Pro màu đen.

Cân trọng lượng chất dạng tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Quốc T có trọng lượng 0,27 gam, ký hiệu M gửi đi giám định để xác định loại ma túy, trọng lượng ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 50 ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: “Chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2670 (không phải hai nghìn sáu trăm bảy mươi) gam là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2071 gam là ma túy, loại

Methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong được niêm phong trong phong bì ghi số 50/KLGD-PC09-MT theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 25/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng viện kiểm sát truy tố là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với 01 điện thoại hiệu SAMSUNG J3 Pro màu đen và 01 xe mô tô hiệu HONDA WAVE màu đen bạc biển kiểm soát 35H9 – 2419, quá trình điều tra xác định là của ông Nguyễn Duy T1 sinh năm 1960, trú tại thôn Vĩnh T, xã N, thành phố B, là bố đẻ của T cho T mượn. Ông T1 không biết việc T sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả số tài sản trên cho ông T1, ông T1 đã nhận lại tài sản, không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, không thay đổi, bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249, điểm s, điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2018.

Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng vỏ gói ban đầu thu giữ của bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T không có ý kiến gì với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B; đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài

liệu khác có trong hồ sơ vụ án; vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi cất giữ trong người 0,2670 gam chất ma túy loại Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) của bị cáo với mục đích để sử dụng cho bản thân, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến việc quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân gia tăng các tệ nạn xã hội, phát sinh các tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo đã 02 lần bị Công an phường P ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, song bị cáo không quyết tâm từ bỏ ma túy lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng rèn luyện, chịu khó lao động, học tập để trở thành người lương thiện, mà vẫn tiếp tục đi vào con đường nghiện ngập để thỏa mãn nhu cầu của bản thân dẫn đến việc phạm tội. Qua xem xét toàn diện vụ án, hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Khi bị yêu cầu kiểm tra hành chính, bị cáo đã tự giác giao nộp gói ma túy vừa mua cho Công an. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm r, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không mang mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về nguồn gốc số ma túy: quá trình điều tra bị cáo khai mua của một người không quen biết tại một ngôi nhà cấp 4 có ba cửa sổ bằng tôn màu trắng ven đường Quốc lộ 10 cách chân cầu S khoảng 50 mét, tại phiên tòa bị cáo khai do khi bị bắt bị cáo bị cáo sợ hãi khai không đúng mà bị cáo có mua của một người không quen biết đứng ven đường cách chân cầu S khoảng 50 mét thuộc thôn D , xã Y,

huyện Y, tỉnh N về phía tay trái theo chiều B đi tỉnh N nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 35H9 – 2419 và 01 điện thoại hiệu SAMSUNG J3 Pro màu đen quá trình điều tra xác định là xe mô tô và điện thoại của ông Nguyễn Duy T1 là bố đẻ của T, ông T1 cho T mượn không biết T thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả xe, điện thoại cho ông T1 là đúng pháp luật.

[6] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc T.

(Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa Công an Thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TANDTỉnh B;
- VKSNDTP B;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

